

Họ và tên:.....

Lớp:.....

PHIẾU BÀI TẬP TOÁN TUẦN ÔN TẬP 2

Câu 1: Khoanh vào đáp án đúng nhất

a. Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là:

A. 89

B. 98

C. 99

D. 90

b. Số gồm 4 chục 3 đơn vị là:

A. 34

B. 33

C. 43

D. 40

Câu 2: Khoanh vào đáp án đúng nhất

a. Trong các số sau số nào lớn nhất: A. 23 B. 12 C. 45 D. 9

b. Số tròn chục bé nhất là: A. 10 B. 16 C. 2 D. 50

Câu 3: Khoanh vào đáp án đúng nhất

a. Điền dấu thích hợp $65 \dots 13 = 78$

A. +

B. -

C. =

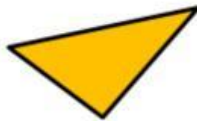
b. Khoanh tròn vào các hình chữ nhật ?



A



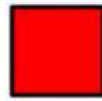
B



C



D



E

Câu 4: Khoanh vào đáp án đúng nhất

a. Số bé nhất có hai chữ số giống nhau là số:

A. 11

B. 12

C. 13

D. 14

b. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm $93 < \dots$ là:

A. 90

B. 72

C. 94

D. 84

Câu 5: Khoanh vào đáp án đúng nhất

a. Dấu thích hợp để điền vào chỗ chấm $52 + 2 \dots 95 - 23$

A. <

B. >

C. =

b. Kết quả của phép tính $45 + 41$ là:

A. 87

B. 86

C. 67

D. 78

Câu 6:

a) **Viết số, đọc số ?**

Năm mươi tư :

45 :

Bảy mươi sáu :

; 91 :

b) **Viết các số 82; 11; 53; 9 theo thứ tự từ lớn đến bé:**

.....

Câu 7: Điền $<$, $>$, $=$

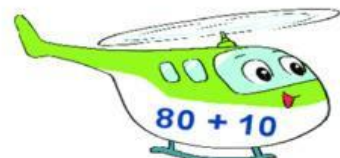
54 31 ;

99 100

$94 - 4$ 80 ;

48 $60 - 10$

Câu 8 : Nối đúng các phép tính có cùng kết quả ?



67

90

79

Câu 9: Tính

$67 - 12 =$

$88 + 11 - 80 =$

$70 - 20 =$

$21 + 23 - 40 =$

Câu 10: Hãy khoanh tròn vào ý đúng

Lớp 1A có 25 bạn trai và 22 bạn gái. Hỏi lớp 1A có tất cả bao nhiêu bạn?

A. 74 bạn

B. 57 bạn

C. 47 bạn

Trả lời: Lớp 1A có.....bạn.